

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2018/DS-PT
Ngày: 01-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/9, ngày 01/10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 134/2018/TLPT- DS ngày 31 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/DS-ST ngày 18/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2018/QĐPT-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Đức T; sinh năm: 1978; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình M, xã Bình T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

2. *Bị đơn:*

2.1. Lê Văn M, sinh năm 1964; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình M, xã Bình T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

2.2. Phan Hồng H, sinh năm 1986; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Bình T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Trần Thị K; sinh năm: 1937;

3.2. Nguyễn Kim X, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Ấp Bình M, xã Bình T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người đại diện theo ủy quyền* cho bà K, chị X là anh Nguyễn Đức T (theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2017). (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* + Anh Nguyễn Đức T là nguyên đơn;

+ Ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H là bị đơn.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

Ngày 06/02/2013 (âm lịch), anh T ký hợp đồng mua bán xoài lá với ông Lê Văn M (hợp đồng được viết bằng giấy tay có Trưởng ấp Bình M xác nhận). Hợp đồng ký kết thỏa thuận anh T giao cho ông M canh tác toàn bộ vườn xoài bao gồm: 26 gốc xoài cát chu từ 12 năm tuổi đến 20 năm tuổi; 25 gốc xoài cát hòa lộc từ 10 năm tuổi đến 32 năm tuổi và 14 gốc xoài ghép từ 07 năm tuổi đến 12 năm tuổi, tổng cộng là 65 cây xoài các loại. Thời gian canh tác là 06 năm, từ ngày 06/02/2013 (âm lịch) đến ngày 05/5/2019 (âm lịch). Nhưng thực tế anh T cho ông M, anh H 03 tháng để vệ sinh đốn cây tạp trong vườn xoài nên thời hạn hợp đồng tính từ 06/5/2013 (âm lịch). Ông M phải trả cho anh T số tiền 150.000.000 đồng (anh T đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng).

Anh H (con rể của ông M) là người trực tiếp canh tác vườn xoài. Ngày 08/01/2017, anh T phát hiện xoài của anh bị chết 30 gốc (12 gốc xoài cát chu, 07 gốc xoài cát hòa lộc và 11 gốc xoài ghép). Sau đó, anh T có yêu cầu ông M đến vườn xoài để chứng kiến sự việc xoài chết, nhưng ông M cho rằng xoài không chết nên không đồng ý xử lý. Do lượng xoài chết nhiều nên anh T không cho ông M tiếp tục xử lý xoài nhưng vẫn cho ông M, anh H thu hoạch xoài trái trên cây. Anh T cho rằng nguyên nhân xoài chết là do anh H vạt gốc (chặt phần vỏ) từ mặt đất lên thân cây khoảng 70cm và thoa thuốc lên toàn bộ phần cây đã vạt gốc và bao nylon toàn bộ gốc xoài. Khi tháo bao nylon ra thì anh T phát hiện cây xoài bị xì mủ vùng xử lý nên anh T biết cây xoài đã chết. Tổng cộng anh H xử lý 33 cây xoài trong tổng số 65 cây xoài đã ký hợp đồng với anh T.

Anh T yêu cầu ông M giải quyết số xoài chết mới tiếp tục cho canh tác vườn xoài nhưng ông M không đồng ý. Anh T bị thiệt hại 17 cây xoài như sau:

Anh T cho rằng 01 cây xoài từ khi trồng đến khi thu hoạch là 07 năm và chi phí mỗi năm là 1.600.000 đồng. Do đó, anh T xác định xoài có giá trị 11.200.000đ/cây và yêu cầu bồi thường 17 cây xoài đã chết, tổng giá trị 190.400.000đ.

Nay anh T yêu cầu ông Lê Văn M và anh Phan Hồng H có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại 17 cây xoài với giá trị 190.400.000 đồng. Anh T thừa nhận tại thời điểm Tòa án kiểm tra hiện trạng thì anh T xác định có 16 cây xoài chết (trong đó có 01 gốc xoài ra 02 nhánh).

Anh T đồng ý chấm dứt hợp đồng mua bán xoài lá ký ngày 06/02/2013 (âm lịch) với ông M. Anh T đồng ý trả lại cho ông M 50.000.000 đồng tương đương thời gian 02 năm ông M không canh tác vườn xoài của anh T. Ngoài ra, các yêu cầu khác của ông M thì anh T không đồng ý. Anh T thừa nhận bắt đầu ngăn cản không cho ông M, anh H canh tác vườn xoài vào tháng 01/2017, thời gian này là cuối vụ xoài và ông M đã thu hoạch xoài xong nên không đầu tư chi phí nào cả. Vì vậy anh T không đồng ý bồi thường. Anh T tự nguyện bồi thường cho ông M, anh H 300.000 đồng tiền thuốc kích thích xoài.

Theo đơn phản tố của ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H trình bày:

Ngày 06/02/2013 (âm lịch) ông M có ký hợp đồng mua bán xoài lá với anh T (hợp đồng được viết bằng giấy tay có Trương áp Bình M xác nhận), ông M được canh lúc toàn bộ cây xoài trên đất của anh T gồm 23 cây xoài cát chu, 17 cây xoài cát hòa lộc và một số cây xoài ghép (không xác định được số lượng). Ông M và anh T thỏa thuận bằng miệng, ông M được quyền mé nhánh xoài. Hợp đồng không thỏa thuận ông M được quyền kích thích xoài ra hoa, đậu trái. Sau khi ký hợp đồng anh H là người trực tiếp canh tác vườn xoài của anh T. Tại thời điểm ký hợp đồng các bên có tiến hành kiểm tra hiện trạng vườn xoài và xác định không có cây xoài nào chết. Từ khi ký kết hợp đồng đến ngày 16/01/2017, ông M xác định có 23 cây xoài của anh T chết (trong đó 02 cây chết toàn thân do sâu sùng đục chết, còn lại là chết nhánh, 06 cây tự chết mà không xử lý). Anh H thừa nhận năm 2016 kích thích xoài ra bông, ra trái bằng cách chặt nhá lớp vỏ từ gốc cây lên thân cây và bôi thuốc Tobajum lên phần chặt nhá, nếu trời mưa có quần bao nylon. Có năm anh H kích thích xoài ra bông, ra trái bằng cách cạo lớp rong phía ngoài vỏ cây xoài, bôi thuốc Tobajum. Anh H kích thích toàn bộ số lượng xoài đã ký hợp đồng với anh T. Việc anh H kích thích xoài bằng cách chặt nhá vỏ từ gốc lên thân cây và bôi thuốc Tobajum không được thỏa thuận theo hợp đồng mà do anh H tự ý làm theo kinh nghiệm thực tế và không hỏi ý kiến anh T, nhưng anh T biết và không có ý kiến gì. Ông M, anh H xác định xoài của anh T chết là do xoài già và thời tiết sâu bệnh, sùng tấn công dẫn đến xoài của anh T chết. Ông M, anh H không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh T. Nếu xác định được nguyên nhân xoài của anh T chết do xử lý thuốc thì ông M, anh H đồng ý bồi thường theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, ông M, anh H đồng ý bồi thường cho anh T giá trị các cây xoài đã chết 12.800.000 đồng.

Ông M, anh H yêu cầu chấm dứt hợp đồng mua bán xoài lá ký ngày 06/02/2013 (âm lịch) với anh Nguyễn Đức T.

Ông M, anh H yêu cầu anh Nguyễn Đức T có nghĩa vụ trả lại số tiền 62.500.000 đồng tương đương với thời gian 02 năm 6 tháng ông M, anh H không được canh tác vườn xoài của anh T và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 06/02/2013 đến khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa ông M, anh H không yêu cầu anh T trả tiền lãi suất.

Ông M, anh H yêu cầu anh T bồi thường tiền phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc kích thích xoài 35.000.000 đồng (theo giá trị các hóa đơn bán lẻ ông M đã cung cấp cho Tòa án) mà ông M sử dụng cho vụ xoài thứ 02 năm 2016 thì anh T ngăn cản không cho ông M, anh H thu hoạch xoài. Tại phiên tòa, ông M, anh H yêu cầu anh T bồi thường tiền phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc kích thích xoài là 17.500.000 đồng (50% giá trị các hóa đơn bán lẻ). Ngoài ra, ông M, anh H có thuê 04 nhân công để chăm sóc vườn xoài. Do đó, ông M, anh H yêu cầu anh T bồi thường tiền công lao động là 24.200.000 đồng. Tại phiên tòa, ông M, anh H rút yêu cầu.

Ông M, anh H thừa nhận vụ xoài thứ 02 năm 2016, ông M, anh H đã thu hoạch 02 đợt xoài được khoảng 300kg. Anh H cho rằng vụ xoài thứ 02 năm 2016 đến ngày 05/5/2017 (âm lịch) mới hết vụ. Anh T cho rằng vụ xoài thứ 02 năm 2016 kết thúc vào tháng 01/2017.

Tại bản án số 30/2018/DSST ngày 18/6/2018 của Tòa án huyện C tuyên xử:

- Đình chỉ yêu cầu của ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H về việc yêu cầu anh Nguyễn Đức T bồi thường 24.200.000 đồng tiền công lao động.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Đức T. Buộc ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Đức T số tiền 25.600.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H.

Chấm dứt hợp đồng mua bán xoài lá giữa anh Nguyễn Đức T và ông Lê Văn M ký ngày 06/02/2013 (âm lịch). Buộc anh Nguyễn Đức T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn M 62.500.000 đồng (Sáu mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H về việc yêu cầu anh Nguyễn Đức T bồi thường tiền phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc kích thích xoài 17.500.000 đồng.

- Công nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đức T về việc đồng ý tự nguyện bồi thường 300.000 đồng tiền thuốc kích thích xoài cho ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Anh Nguyễn Đức T phải chịu 11.365.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai số 16222 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, anh T còn phải nộp tiếp 4.065.000 đồng.

Ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H phải chịu 875.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông M, anh H đã nộp, ông M, anh H được nhận lại số tiền 2.167.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 16369 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Ngày 29/6/2018 anh Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, anh yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh, sửa bản án sơ thẩm.

- Ngày 02/7/2018 ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm xử, yêu cầu anh T bồi thường số tiền phân bón thuốc trừ sâu 17.500.000đ và đồng ý hỗ trợ 12.800.000đ giá trị 50%/16 cây xoài bị chết cho anh T, không đồng ý bồi thường số tiền 25.600.000 đồng.

- Ngày 03/7/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát huyện C có Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/DSST ngày 18/6/2018 của Tòa án huyện C.

Nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát như sau:

Án sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là không đúng. Theo yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại tiền phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc kích thích mà ông M và anh H đã đầu tư vào vườn xoài của anh T, do anh T ngăn cản không cho ông M, anh H sử dụng tiếp vườn xoài đã gây thiệt hại cho ông M, anh H nên xác định mối quan hệ pháp luật ở đây là quan hệ tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm theo Điều 584, 585 BLDS.

Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông M, anh H yêu cầu anh T bồi thường 50% tiền phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc kích thích với số tiền 17.500.000đ là chưa phù hợp, chưa đảm bảo quyền lợi cho ông M, anh H.

Án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu của anh T buộc ông M, anh H có nghĩa vụ bồi thường 16 cây xoài bị chết cho anh T số tiền 25.600.000đ, nhưng án sơ thẩm không buộc ông M, anh H nộp tiền án phí là chưa đúng quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Anh Nguyễn Đức T có đơn xin rút đơn yêu cầu kháng cáo.

+ Ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

+ Viện kiểm sát Tỉnh rút một phần kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/7/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện C đối với việc án sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và không chấp nhận yêu cầu của ông M, anh H yêu cầu anh T bồi thường số tiền phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc kích

thích là 17.500.000đ và giữ y một phần kháng nghị đối với nghĩa vụ nộp tiền án phí của ông M, anh H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của anh T, chấp nhận rút một phần kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/7/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C đối với việc án sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật là chưa đúng và không chấp nhận yêu cầu của ông M, anh H yêu cầu anh T bồi thường số tiền phân bón thuốc trừ sâu là 17.500.000đ, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút yêu cầu kháng cáo của anh T và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát Tỉnh, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông M, anh H, chấp nhận một phần kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/7/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C đối với phần án phí, sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 06/02/2013 (âm lịch), anh T và ông M có ký hợp đồng mua bán xoài lá, hai bên có làm giấy tay mua bán có xác nhận của Trưởng ban nhân dân ấp Bình M. Hợp đồng ký kết thỏa thuận anh T giao cho ông M canh tác toàn bộ vườn xoài bao gồm: 26 gốc xoài cát chu từ 12 năm tuổi đến 20 năm tuổi; 25 gốc xoài cát hòa lộc từ 10 năm tuổi đến 32 năm tuổi và 14 gốc xoài ghép từ 07 năm tuổi đến 12 năm tuổi, tổng cộng là 65 cây xoài các loại. Thời gian sử dụng là 06 năm, từ ngày 06/02/2013 (âm lịch) đến ngày 05/5/2019 (âm lịch). Nhưng thực tế giữa anh T và ông M thống nhất cho anh H là con rể của ông M thời hạn 03 tháng để vào vườn xoài vệ sinh như: đốn các cây tạp trong vườn xoài, nên thời hạn hợp đồng bắt đầu tính từ ngày 06/5/2013 (âm lịch) với số tiền là 150.000.000 đồng, ông M đã giao đủ số tiền trên cho anh T nhận.

Ngày 08/01/2017, anh T phát hiện xoài của anh bị chết 30 gốc (12 gốc xoài cát chu, 07 gốc xoài cát hòa lộc và 11 gốc xoài ghép), anh có yêu cầu ông M đến vườn xoài để xác định nguyên nhân vì đâu mà các cây xoài ông M, anh H sử dụng đã bị chết, nhưng ông M cho rằng xoài không bị chết nên không đồng ý đến gặp anh để bàn bạc xử lý. Do số lượng xoài bị chết nhiều nên anh T không cho ông M, anh H tiếp tục sử dụng và xử lý xoài, nhưng anh vẫn cho ông M, anh H thu hoạch xoài trái trên cây.

Anh T cho rằng nguyên nhân xoài của anh bị chết là do anh H vạt gốc (chặt phần vỏ) từ mặt đất lên thân cây khoảng 70cm và thoa thuốc kích thích lên thân cây đã vạt gốc và bao nylon trùm kín lại. Khi tháo bao nylon ra thì anh mới phát hiện xoài của anh bị xì mủ ở những vùng mà anh H đã xử lý. Tổng cộng anh H xử lý 33 cây trong tổng số 65 cây mà hai bên đã ký hợp đồng, qua xác định có 16 cây xoài bị chết (trong đó có 01 cây chia ra làm hai nhánh) nên anh yêu cầu ông M giải quyết số cây xoài bị chết, anh mới đồng ý cho ông M, anh H tiếp tục canh tác vườn xoài của anh, nhưng ông M không đồng ý, nên hai bên xảy ra tranh chấp.

[2] Sau khi án sơ thẩm xử, anh Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo, đến ngày 10/9/2018 anh T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh và đồng ý bản án sơ thẩm xử. Xét việc rút đơn kháng cáo của anh T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh T.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát Tỉnh rút một phần kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/7/2018 đối với việc án sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là không đúng và không chấp nhận yêu cầu của ông M, anh H yêu cầu anh T bồi thường số tiền phân bón thuốc trừ sâu là 17.500.000đ. Xét việc rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát Tỉnh là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng nghị.

[3] Sau khi án sơ thẩm xử, ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H có đơn kháng cáo không đồng ý bồi thường cho anh T 16 cây xoài bị chết theo Hội đồng định giá số tiền là 25.600.000 đồng mà chỉ đồng ý bồi thường cho anh T giá trị các cây xoài đã chết 12.800.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc kháng cáo của ông M, anh H là không có căn cứ. Bởi vì, theo hợp đồng mua bán đã ký kết vào ngày 06/02/2013 (âm lịch) giữa anh T và ông M đều thống nhất và hai bên cũng đã kiểm tra số lượng xoài thực tế tại thời điểm giao kết hợp đồng xác định lúc mua bán với nhau không có cây xoài nào bị chết.

Theo biên bản kiểm tra hiện trạng thực tế ngày 27/4/2018 anh T xác định có 16 cây xoài (trong đó có 01 gốc chia ra 02 nhánh) bị chết đều có vết chặt nhá bên ngoài vỏ cây từ gốc lên thân cây 01 đoạn từ 80cm đến 120cm. Ông M, anh H thừa nhận và có bôi thuốc Tobajum lên thân cây, nếu trời mưa thì quần nylon phía ngoài thân cây.

Theo Công văn số: 171/PNNPTNT.HC ngày 19/9/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C xác định xoài của anh T chết do xì mủ và bong vỏ chết, không phải bị sâu bệnh chết. Còn công dụng thuốc Tobajum không phù hợp để kích thích cây xoài mà chỉ phù hợp với cây sầu riêng. Việc ông M, anh H kích thích xoài lá bằng cách chặt nhá bên ngoài vỏ, bôi thuốc Tobajum là làm theo kinh nghiệm, mà không theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật hoặc của cơ quan chuyên môn nào, nên dẫn đến xoài của anh T bị chết, nên án sơ thẩm xử buộc ông M, anh H có trách nhiệm bồi thường cho anh T số xoài bị chết theo Hội đồng định giá đã định với số tiền là 25.600.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông M, anh H yêu cầu anh T bồi thường tiền phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc kích thích xoài theo các hóa đơn bán lẻ mà ông M đã cung cấp cho Tòa án vì ông đã sử dụng cho vụ xoài thứ 02 năm 2016, nhưng anh T ngăn cản không cho ông và anh H thu hoạch xoài. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M, anh H yêu cầu anh T bồi thường 50% tiền phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc kích thích xoài là 17.500.000 đồng. Xét kháng cáo của ông M, anh H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hợp đồng mua bán xoài lá vào ngày 06/02/2013 (âm lịch), nhưng thực tế ông M, anh H sử dụng vườn xoài của anh T bắt đầu từ ngày 06/5/2013 đến ngày 08/01/2017 là 03 năm 06 tháng thì hai bên thống nhất chấm dứt hợp đồng nguyên nhân do xoài anh T bị chết, thời gian còn lại theo hợp đồng ký kết thì ông M, anh H không sử dụng vườn xoài của anh T là 02 năm 06 tháng tương đương số tiền 62.500.000đ, nên án sơ thẩm buộc anh T có trách nhiệm trả lại số tiền mua bán xoài lá tương ứng với thời gian ông M, anh H không sử dụng là hoàn toàn có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông M, anh H cũng không có chứng cứ gì chứng minh số thuốc trừ sâu, thuốc kích thích xoài, phân bón mà ông M, anh H mua tại cửa hàng thuốc của anh Lê Phước T để phục vụ cho việc kích thích vườn xoài của anh T cho vụ xoài thứ 02 và các vụ xoài trước đó, nên yêu cầu kháng cáo của ông M, anh H yêu cầu anh T bồi thường tiền phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc kích thích xoài là không có căn cứ.

[4] Theo kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu của anh T buộc ông M, anh H có nghĩa vụ bồi thường 16 cây xoài bị chết cho anh T số tiền 25.600.000đ, ông M và anh H phải nộp 1.280.000đ án phí sơ thẩm (25.600.000đ x 5%), nhưng án sơ thẩm không buộc ông M, anh H nộp tiền án phí là chưa đúng quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nên Hội đồng xét xử xét thấy việc kháng nghị của Viện kiểm sát về phần án phí là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của anh Nguyễn Đức T, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh T. Chấp nhận rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát Tỉnh đối với kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/7/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C về việc án sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là chưa đúng và không chấp nhận yêu cầu của ông M, anh H yêu cầu anh T bồi thường số tiền phân bón thuốc trừ sâu là 17.500.000đ. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, anh H; chấp nhận một phần kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/7/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện C, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của anh T, chấp nhận rút một phần kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/7/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C đối với việc án sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật không đúng và không chấp nhận yêu cầu của ông M, anh H yêu cầu anh T bồi thường số tiền phân bón thuốc trừ sâu là 17.500.000đ, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút yêu cầu kháng cáo của anh T và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút một

phần kháng nghị của Viện kiểm sát Tỉnh, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông M, anh H, chấp nhận một phần kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/7/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C đối với phần án phí, sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền án phí. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 289; khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 429; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận rút một phần kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/7/2018 của Viện kiểm sát Tỉnh. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần đối với Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-DS ngày 03/7/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện C.

2. Chấp nhận việc rút đơn kháng cáo của anh Nguyễn Đức T. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh T.

3. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H.

4. Chấp nhận một phần kháng nghị số 03/QĐKNPT-DS ngày 03/7/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện C về phần án phí.

5. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 30/2018/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C về phần án phí.

- Đình chỉ yêu cầu của ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H về việc yêu cầu anh Nguyễn Đức T bồi thường 24.200.000 đồng tiền công lao động.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Đức T. Buộc ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Đức T số tiền 25.600.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H.

Chấm dứt hợp đồng mua bán xoài lá giữa anh Nguyễn Đức T và ông Lê Văn M ký ngày 06/02/2013 (âm lịch). Buộc anh Nguyễn Đức T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn M 62.500.000 đồng (Sáu mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H về việc yêu cầu anh Nguyễn Đức T bồi thường tiền phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc kích thích xoài 17.500.000 đồng.

- Công nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đức T về việc đồng ý tự nguyện bồi thường 300.000 đồng tiền thuốc kích thích xoài cho ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi cho số tiền còn phải thi hành bằng 50% theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

6. Về án phí:

Anh Nguyễn Đức T phải chịu 11.365.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai số 16222 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, anh T còn phải nộp tiếp 4.065.000 đồng.

Ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H phải chịu 2.155.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông M, anh H đã nộp, ông M, anh H được nhận lại số tiền 887.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 16369 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

7. Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0000396 ngày 29/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (anh T đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Ông Lê Văn M, anh Phan Hồng H không phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, ông M, anh H được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0000493 ngày 04/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- TAND huyện C;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hội

